

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HCM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **175/2018/HC-ST**

Ngày: 05/02/2018

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính trong quản lý nhà nước về
đất đai.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HCM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Nguyễn Ngọc Hòa

2- Ông Phạm Văn Hề

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thơi

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân THÀNH PHỐ HCM tham gia phiên tòa:
Bà Thân Trọng Minh Phương – Kiểm sát viên

Trong các ngày 01 và ngày 05 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân THÀNH PHỐ HCM xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 38/2014/TLST-HC ngày 10/11/2014 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 470/2018/QĐST-HC ngày 31 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Người khởi kiện:

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1934

Địa chỉ: số 558 TC, Phường 13, quận TB, THÀNH PHỐ HCM.

Người đại diện theo ủy quyền:

1/ Bà Đỗ Thị Kim Ng, sinh năm 1958 (có đơn xin vắng mặt ngày 05/02/2018)

Địa chỉ: 16/9 Kỳ Đồng, Phường 9, Quận B, THÀNH PHỐ HCM.

2/ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1958

Địa chỉ: 743 AC, Phường 19, quận TB, THÀNH PHỐ HCM (có mặt).

Người bị kiện:

1/ Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM

Địa chỉ: Số 86 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, THÀNH PHỐ HCM.

Đại diện: Ông Nguyễn Thành Phong – Chủ tịch Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM (có đơn đề nghị vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông **Đặng Tuấn Kh** – Trưởng phòng pháp chế Sở Tài nguyên và Môi trường THÀNH PHỐ HCM (vắng mặt).

- Ông **Phạm Gia H** – Phó trưởng phòng pháp chế Sở Tài nguyên và Môi trường THÀNH PHỐ HCM (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

1/ Ủy ban nhân dân quận TP. (có đơn đề nghị vắng mặt)

Địa chỉ: 70 TNH, phường Phú Thạnh, quận TP, THÀNH PHỐ HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Căn cứ theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2014, các bản tự khai và lời khai trong các buổi làm việc người khởi kiện Ông Nguyễn Văn T có Bà Đỗ Thị Kim Ng đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguyên vào năm 1931, cha mẹ Ông Nguyễn Văn T là ông Nguyễn Văn Đ và bà Đào Thị Ch có tạo dựng một thửa đất 5.440m² tọa lạc tại xã Tân Sơn Nhì, quận TB, sau giải phóng là Phường 16, quận TB (nay thuộc quận TP). Cha ông T chết vào năm 1961, mẹ ông T chết vào năm 1979. Sau khi cha mẹ ông T chết, anh em ông T trực tiếp quản lý sử dụng khu đất trên. Vào năm 1989 gia tộc ông T có thỏa thuận giao cho Xí nghiệp Thủy nông một phần đất có diện tích là 1.444,95m², trong số đó có một phần thuộc một phần thửa 20 tờ Bản đồ số 4 thuộc Phường 16 quận TB là 748,7m². Kể từ khi giao đất cho đến nay hai bên đã có sự phân ranh rõ ràng bằng hàng rào, không có sự chồng lấn lên đất của nhau. Tuy nhiên, sau đó Ủy ban nhân dân Thành phố có quyết định giao cho Xí nghiệp Thủy nông diện tích 1.518m². Như vậy khi giao đất, Ủy ban nhân dân Thành phố lại giao lớn hơn diện tích đất đã thỏa thuận, thực tế chênh lệch 73,05m². Ông T đã nhiều lần yêu cầu Ủy ban nhân dân quận TP cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông số đất là 73,05m² nhưng không được trả lời.

Đến ngày 25/12/2013, Ủy ban nhân dân quận TP có Văn bản số 1415/UBND-TCĐ “V/v yêu cầu Ông Nguyễn Văn T di dời vật kiến trúc và bàn giao phần đất khoảng 74m² tại Phường SK, quận TP cho Ủy ban nhân dân quận TP quản lý”. Văn bản có nêu, nếu gia đình ông T không thực hiện, Ủy ban nhân dân quận TP sẽ tổ chức thực hiện các quyết định nêu trên của Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định của pháp luật. Văn bản này ông T không được giao trực tiếp mà Văn phòng Ủy ban nhân dân quận TP giao cho con gái ông T là Nguyễn Thị Quế Tr. Sau khi nhận được Văn bản nêu trên, nghiên cứu nội dung văn bản, nhận thấy văn bản có nêu Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM đã có Quyết định số 5472/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2008 “Giao Ủy ban nhân dân quận TP quản lý phần diện tích 74m² (diện tích chính xác sẽ xác định theo kết quả đo đạc thực tế) để bố trí sử dụng theo quy định của Luật Đất đai)”

Ông T rất ngạc nhiên về điều này, vì phần đất mà Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định do ông T đang quản lý sử dụng nhưng ông T hoàn toàn không biết có quyết định này. Từ đó ông T mới đi tìm hiểu và có được bản photo của Quyết định nêu trên.

Phần Quyết định đã ghi:

Điều 1. Nay điều chỉnh Quyết định số 4641/QDD-UB-ĐT ngày 17 tháng 7 năm 2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố về cho Công ty Quản lý Khai thác

dịch vụ thủy lợi thuê đất tại phường 16, quận TB nay thuộc Phường SK, quận TP như sau:

1.1. Cho Công ty Quản lý Khai thác dịch vụ thủy lợi thuê 748,7m² đất tại Phường SK, quận TP.

Vị trí khu đất xác định theo tờ bản đồ hiện trạng – vị trí số 33448/GĐ-TNMT ngày 26 tháng 11 năm 2008 do Sở Tài nguyên Môi trường duyệt.

Mục đích sử dụng đất: Xây dựng cửa hàng giới thiệu sản phẩm chuyên ngành (bỏ mục tiêu xây dựng xuống sửa chữa cơ khí).

1.2. Giao Ủy ban ban nhân dân quận TP quản lý phần diện tích 74m² (diện tích chính xác sẽ xác định theo kết quả đo đạc thực tế) để bố trí sử dụng theo quy định của Luật Đất đai)...

Điều 3 của quyết định còn ghi “Quyết định này là một bộ phận không thể tách rời của Quyết định số 4641/QĐ-UB-ĐT ngày 17 tháng 7 năm 2000 của Ủy ban nhân dân thành phố và có hiệu lực kể từ ngày ký”.

Quyết định số 4641/QĐ-UB-ĐT ngày 17 tháng 7 năm 2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố ông T cũng không được giao nên không thể biết nội dung của quyết định.

Phần đất mà Quyết định đã ghi tại mục 1.2 thực tế do gia tộc ông T sử dụng kể từ khi cha mẹ ông T tạo lập vào năm 1931, ông T đã xây dựng trên đó 1 căn nhà cấp 4 nên việc giao cho Ủy ban nhân dân quận TP quản lý là không phù hợp.

Qua tìm hiểu, gia đình ông T được biết, Ủy ban nhân dân quận TP đã có nhiều văn bản xin ý kiến Ủy ban nhân dân Thành phố theo hướng trả phần đất trên lại cho ông T nhưng Ủy ban nhân dân Thành phố chưa có ý kiến trả lời. Ngày 29/4/2014 Ủy ban nhân dân quận TP lại tiếp tục có Văn bản số 437/UBND-TCĐ gửi Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM và Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố để xin ý kiến giải quyết đơn của ông T. Tại văn bản này Ủy ban nhân dân quận TP đã xác định không có cơ sở đưa phần đất của ông T vào diện đất nhà nước trực tiếp quản lý mà phải giao cho gia tộc của ông T mới đúng quy định vì đất này chưa được bồi thường hay bồi hoàn mà đất này gia đình ông T đang trực tiếp sử dụng.

Đối chiếu với quy định của Luật tổ tụng hành chính, Ông Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án nhân dân THÀNH PHỐ HCM tuyên thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 5472/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM về điều chỉnh Quyết định số 4641/QĐ-UB-ĐT ngày 17 tháng 7 năm 2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc cho Công ty Quản lý khai thác dịch vụ thủy lợi thuê đất tại Phường SK, quận TP với các căn cứ sau:

-Về thời hiệu khởi kiện: Vẫn còn trong thời hạn 1 năm theo quy định tại Điều 104 của Luật tổ tụng hành chính vì ngày 25 tháng 12 năm 2013 khi ông T nhận được Văn bản số 1415/UBND-TCĐ ngày 25/12/2013 của Ủy ban nhân dân quận TP, ông T mới biết có Quyết định số 5472/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM.

-Về nội dung: Cơ sở để ban hành hành quyết định giao cho Ủy ban nhân dân quận TP quản lý phần diện tích chênh lệch nêu trên là không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành vì phần đất trên là của gia tộc ông T, do cha mẹ ông T tạo dựng từ năm 1931 đã được phân ranh rõ ràng sau khi thỏa thuận giao cho Xí nghiệp Thủy nông. Bên cạnh đó cũng không có sự chồng lấn đối với Xí nghiệp Thủy nông nay là Công ty Quản lý Khai thác dịch vụ thủy lợi và Công ty Quản lý Khai thác dịch vụ thủy lợi cũng chưa bao giờ sử dụng diện tích đất đó của ông T. Mặt khác, do ông T không được giao các quyết định có liên quan về diện tích đất trên, nếu có, ông T yêu cầu Tòa án thu hồi và hủy bỏ các quyết định đó nếu có nội dung làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T.

Căn cứ vào các bản tự khai và lời khai trong các buổi làm việc người bị kiện Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM có ông Đặng Tuấn Kh, ông Đoàn Thành là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

Ngày 07/01/1989, ông Nguyễn Văn L (anh em của Ông Nguyễn Văn T) có làm giấy thỏa thuận giao cho Xí nghiệp Thủy nông 1.444,95m² đất thuộc thửa 20, tờ số 4, Phường 16, quận TB để nhận số tiền bồi hoàn đất đai, hoa màu là 7.224.750 đồng (theo biên bản giao tiền hoa lợi đất ngày 07/01/1989).

Năm 1990, trên cơ sở kết quả đo đạc thực tế của Đoàn đo đạc bản đồ thì phần đất gia tộc Ông Nguyễn Văn T chuyển nhượng cho Xí nghiệp Thủy nông là 1.518m².

Ngày 21/12/1990, Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM ban hành Quyết định số 668/QĐ-UB thu hồi 1.518m² của Xí nghiệp Thủy nông (nay là Công ty Quản lý khai thác dịch vụ thủy lợi Thành phố), giao 932/1.518m² cho Xí nghiệp Thủy nông (phần đất 74m² đang khiếu nại nằm trong phần diện tích 932m²), phần diện tích 568m² còn lại sử dụng vào việc mở rộng lộ giới Hương lộ 13 (nay là đường Lê Trọng Tấn).

Ngày 17/7/2000, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 4641/QĐ-UB-ĐT cho phép Công ty Quản lý khai thác dịch vụ thủy lợi Thành phố thuê 932m² để đầu tư cửa hàng trưng bày sản phẩm chuyên ngành và xưởng sửa chữa cơ khí, thời hạn thuê đất là 50 năm.

Ngày 16/10/2000, Công ty quản lý khai thác dịch vụ thủy lợi Thành phố được Ủy ban nhân dân Thành phố cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00164/1aQSDĐ/3543/UB đối với phần đất 932m².

Năm 2001, gia tộc Ông Nguyễn Văn T có đơn khiếu nại việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Quản lý khai thác dịch vụ thủy lợi Thành phố là không đúng.

Ngày 03/12/2004 Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM có Công văn số 7499/UB-PC trả lời đơn khiếu nại của Ông Nguyễn Văn T với nội dung: “Gia tộc ông T đã thỏa thuận giao đất cho Xí nghiệp Thủy nông (công ty khai thác dịch vụ thủy lợi) xí nghiệp được Ủy ban nhân dân Thành phố giao đất năm 1990 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/10/2000. Căn cứ Điều 32 Luật khiếu nại tố cáo quy định: “Khiếu nại thuộc một trong các trường hợp

sau không được thụ lý để giải quyết “thời hạn khiếu nại, thời hạn khiếu nại tiếp đã hết”. Do đó, trường hợp khiếu nại của gia tộc ông không được thụ lý, giải quyết”.

Ngày 10/11/2007, Văn phòng Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân Thành phố có Công văn số 7779/VP-PCNC với nội dung:

“1. Giao Ủy ban nhân dân quận TP quản lý phần đất 74m² do Công ty Quản lý khai thác dịch vụ thủy lợi giao (vị trí và diện tích chính xác của khu đất được xác định cụ thể theo kết quả đo đạc thực tế) việc bố trí sử dụng phần đất này phải thực hiện đúng quy định pháp luật đất đai.

2. Công ty quản lý Khai thác dịch vụ thủy lợi Thành phố có trách nhiệm liên hệ với Sở tài nguyên và môi trường để lập thủ tục điều chỉnh quyết định, hợp đồng thuê đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định”

Ngày 18/12/2008, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 5472/QĐ-UBND với nội dung:

“Điều 1. Nay điều chỉnh quyết định số 4641/QĐ-UB-ĐT ngày 17/7/2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố về cho Công ty quản lý khai thác dịch vụ thủy lợi thuê đất tại Phường 16, quận TB nay thuộc Phường SK, quận TP như sau:

1.1 Cho Công ty Quản lý khai thác dịch vụ thủy lợi thuê 748,7m² đất tại Phường SK, quận TP

Vị trí khu đất xác định theo tờ bản đồ hiện trạng vị trí số 33448/GĐ-TNMT ngày 26/11/2008 do Sở tài nguyên và môi trường duyệt.

Mục đích sử dụng đất: xây dựng cửa hàng giới thiệu sản phẩm chuyên ngành (bỏ mục tiêu xây dựng xưởng sửa chữa cơ khí)

1.2 Giao Ủy ban nhân dân quận TP quản lý phần diện tích khoảng 74m² (diện tích chính xác sẽ xác định theo kết quả đo đạc thực tế) để bố trí sử dụng theo quy định của Luật Đất đai.

Thực hiện quyết định nêu trên của Ủy ban nhân dân Thành phố, ngày 20/5/2009, Ủy ban nhân dân quận TP có Công văn số 588/UBND-KNTC trả lời Ông Nguyễn Văn T về việc không có cơ sở xem xét giải quyết đơn xin công nhận quyền sử dụng đất của Ông Nguyễn Văn T đối với phần diện tích 74m² và đề nghị ông T tháo dỡ căn nhà tole xây dựng không phép năm 2008 để bàn giao mặt bằng cho Ủy ban nhân dân quận TP quản lý.

Ngày 12/11/2012, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 5738/QĐ-UBND liên quan đến việc xây dựng Nhà thiếu nhi quận TP. Theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 43361/GĐ/KĐ-TNMT ngày 17/10/2012 của Trung tâm đo đạc bản đồ Sở tài nguyên môi trường, phần diện tích 74m² có 16,8m² nằm trong dự án Nhà thiếu nhi quận TP.

Ngày 25/12/2013, Ủy ban nhân dân Tân Phú có công bản số 1415/UBND-TCD tiếp tục yêu cầu Ông Nguyễn Văn T tháo dỡ căn nhà tole và bàn giao mặt bằng cho Ủy ban nhân dân quận TP quản lý theo quy định.

Việc Ông Nguyễn Văn T khởi kiện quyết định số 5472/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM là không có cơ sở pháp lý. Lý do:

Năm 1990, Ủy ban nhân dân Thành phố đã giao đất cho Xí nghiệp Thủy nông (nay là Công ty quản lý khai thác dịch vụ thủy lợi Thành phố) theo Quyết định số 668/QĐ-UB ngày 21/12/1990 (thời điểm giao đất, ban quản lý ruộng đất thành phố đã có đo đạc xác minh ranh mốc tại thực địa) và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Xí nghiệp thủy nông theo đúng quy định pháp luật. Thời điểm năm 1989, Xí nghiệp Thủy nông đã giải quyết bồi hoàn hoa màu đất cho gia tộc Ông Nguyễn Văn T là phù hợp với quy định tại Điều 49 Luật Đất đai năm 1987. Vụ việc khiếu nại của gia tộc ông T đã được Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét và có công văn số 7499/UB-PC ngày 03/12/2004, trả lời đơn khiếu nại của gia tộc Ông Nguyễn Văn T theo quy định của pháp luật.

Từ những cơ sở nêu trên, Quyết định số 5472/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố giao Ủy ban nhân dân quận TP quản lý phần diện tích 74m² để bố trí sử dụng theo quy định là có cơ sở và đúng quy định pháp luật.

Căn cứ vào công văn số 315/UBND-TCD ngày 04/4/2016, Ủy ban nhân dân quận Tân đề nghị Tòa án nhân dân THÀNH PHỐ HCM giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đồng thời đề nghị vắng mặt và không cử người tham gia các buổi hòa giải, xét xử tại Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 5472/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM có ông Phạm Gia H là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày: Việc ban hành Quyết định số 5472/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM là đúng quy định pháp luật. Do đó, người bị kiện không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, vẫn giữ nguyên Quyết định số 5472/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân THÀNH PHỐ HCM phát biểu ý kiến:

Tòa án nhân dân THÀNH PHỐ HCM đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền và còn thời hiệu khởi kiện. Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình thụ lý và xét xử tại phiên tòa. Về phía các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình do Luật tố tụng hành chính quy định.

Về nội dung vụ án: Xét về nguồn gốc đất thì cả Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM và ông T đều xác định đất này là của gia đình ông T có trước ngày giải phóng. Ngày 07/01/1989 gia tộc ông T có thỏa thuận giao cho Xí nghiệp Thủy nông (nay là Công ty quản lý khai thác dịch vụ Thủy Lợi) 1.444,95m² và nhận tiền bồi hoàn hoa màu theo trị giá của 1.444,95m². Trên cơ sở đo đạc thực tế diện tích đất của Đoàn đo đạc bản đồ thì diện tích đất thực tế là 1.518m². Như vậy, chênh lệch giữa diện tích được bồi hoàn và diện tích đất thực tế là 73,05m². Theo hiện trạng sử dụng đất thể hiện Ủy ban nhân dân quận TP vẫn chưa quản lý đối với khu đất trên. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Luật đất đai 1993 thì

“Người sử dụng đất ổn định, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận thì được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Như vậy, theo quy định trên thì nguồn gốc đất là của ông T, ông T có quá trình sử dụng ổn định phần đất nêu trên, Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM giao cho Ủy ban nhân dân quận TP quản lý là không có cơ sở. Yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn T là có căn cứ chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn T, hủy phần 1.2 của Quyết định số 5472/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hình thức:

[1.1] Về thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án:

Ngày 17/10/2014, Tòa án nhân dân THÀNH PHỐ HCM nhận được đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2014 của Ông Nguyễn Văn T yêu cầu hủy Quyết định số 5472/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM về việc điều chỉnh Quyết định số 4641/QĐ-UB-ĐT ngày 17/7/2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc cho Công ty quản lý khai thác dịch vụ thủy lợi thuê đất tại Phường SK, quận TP. Ngày 10/11/2014, Tòa án nhân dân THÀNH PHỐ HCM thụ lý đơn khởi kiện của Ông Nguyễn Văn T là đúng thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 30; Khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:

Ông Nguyễn Văn T trình bày: Ngày 25/12/2013 khi ông nhận được Văn bản số 1415/UBND-TCD ngày 25/12/2013 của Ủy ban nhân dân quận TP ông mới biết được Quyết định số 5472/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM. Ngày 17/10/2014, Tòa án nhân dân THÀNH PHỐ HCM nhận được đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2014 của Ông Nguyễn Văn T yêu cầu hủy Quyết định số 5472/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM về việc điều chỉnh Quyết định số 4641/QĐ-UB-ĐT ngày 17/7/2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc cho Công ty quản lý khai thác dịch vụ thủy lợi thuê đất tại Phường SK, quận TP. Căn cứ Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 104 Luật Tổ tụng hành chính năm 2010 thì yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn T vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Ngày 30/9/2016, Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM có văn bản số 5415/UBND-ĐT đề nghị tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt trong vụ án hành chính của Ông Nguyễn Văn T. Ngày 04/4/2016, Ủy ban nhân dân quận TP có văn bản số 315/UBND-TCD đề nghị được vắng mặt và không cử người tham gia trong các buổi đối thoại xét xử. Căn cứ Khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Tòa án nhân dân THÀNH PHỐ HCM vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 5472/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM: Xét thấy, ngày 18/12/2008 Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM ban hành Quyết định hành chính số 5472/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 về điều chỉnh Quyết định số 4641/QĐ-UB-ĐT ngày 17 tháng 7 năm 2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc cho Công ty Quản lý khai thác dịch vụ thủy lợi thuê đất tại Phường SK, quận TP là đúng theo quy định tại Điều 31, Điều 32 luật đất đai năm 2003.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về nguồn gốc: Vào năm 1931, cha mẹ Ông Nguyễn Văn T là ông Nguyễn Văn Đ và bà Đào Thị Ch có tạo dựng một thửa đất 5.440m² tọa lạc tại xã Tân Sơn Nhì quận TB, sau giải phóng là Phường 16, quận TB (nay thuộc quận TP). Cha ông T chết vào năm 1961, mẹ ông T chết vào năm 1979. Sau khi cha mẹ ông T chết, anh em ông T trực tiếp quản lý sử dụng khu đất trên. Vào ngày 07/01/1989, gia tộc ông T đại diện là ông Nguyễn Văn L (anh em của Ông Nguyễn Văn T) có thỏa thuận giao cho Xí nghiệp Thủy nông (nay là Công ty quản lý khai thác dịch vụ Thủy Lợi) trọn quyền sử dụng phần đất có diện tích là 1.444,95m² đất thuộc thửa 20, tờ số 4, Phường 16, quận TB tại văn bản giao đất sản xuất ngày 07/01/1989 , Xí nghiệp Thủy nông bồi hoàn cho gia tộc ông T công mở mang khai phá, hoa lợi đất đai, hoa màu là 7.224.750 (bảy triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi) đồng trên diện tích là 1.444,95m² (theo biên bản giao tiền hoa lợi đất đai ngày 07/01/1989).

Xét, Quyết định số 668/QĐ-UB ngày 21/12/1990 của Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM ban hành thu hồi 1.518m² giao 932/1.518m² cho Xí nghiệp Thủy nông (phần đất 74m² đang khiếu nại nằm trong phần diện tích 932m²), phần diện tích 568m² còn lại sử dụng vào việc mở rộng lộ giới Hương lộ 13 (nay là đường Lê Trọng Tấn). Như vậy, Quyết định số 668/QĐ-UB ngày 21/12/1990 của Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM đã thu hồi chênh lệch 73,05m² đất của gia tộc ông T. Hơn nữa, phía Xí nghiệp Thủy nông chưa thỏa thuận bồi hoàn cho gia tộc ông T đối với diện tích 73,05m².

Căn cứ văn bản số 132/CV-Cty ngày 17/5/2007 của Công ty quản lý khai thác dịch vụ Thủy Lợi thể hiện: phần diện tích đất 73,05m² do gia đình ông T chiếm giữ nên Công ty quản lý khai thác dịch vụ Thủy Lợi không đưa vào khai thác, sử dụng được. Công ty quản lý khai thác dịch vụ Thủy Lợi kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường THÀNH PHỐ HCM xin được giao lại phần diện tích đất 73,05m² để Nhà Nước quản lý. Như vậy, từ khi Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM giao 932m²/1.518m² cho Xí nghiệp Thủy nông thì phần đất 73,05m² Xí nghiệp Thủy nông không đưa vào khai thác sử dụng mà do gia đình ông T vẫn quản lý sử dụng cho đến nay.

Tại Văn bản chỉ đạo số 4555/VP-PC ngày 25/8/2006 của Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM với nội dung: “ Nếu Công ty quản lý khai thác dịch vụ Thủy Lợi có nhu cầu sử dụng thì Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Tài chính xác định đơn giá và nguồn chi trả cho gia tộc ông T” và tại Văn bản số 12562/TNMT-TTS ngày 29/6/2006 của Sở Tài nguyên và Môi trường thể

hiện nội dung : “ *Đề nghị Sở tài chính có ý kiến về việc xác định đơn giá và nguồn chi trả cho gia tộc ông T đối với phần đất 73,05m²*”. Với những nội dung của hai văn bản trên thể hiện phần diện tích đất 73,05m² của gia tộc ông T chưa được Công ty quản lý khai thác dịch vụ Thủy Lợi bồi hoàn.

Tại công văn số 1479/UBND-KN ngày 21/12/2005 của Ủy ban nhân dân quận TP có nội dung “...*Về vị trí đất 74m² gia tộc ông T yêu cầu trả lại: Phần đất 1518m² theo quyết định thu hồi của UBND Thành phố có vị trí bên phải giáp phần đất do Công ty Quản lý khai thác dịch vụ thủy lợi quản lý, bên trái giáp phần đất trống Nhà nước quản lý thuộc thửa 20 (C²⁰) diện tích 174,6m² (theo hướng từ đường Lê Trọng Tấn nhìn vào). Do đó, việc gia tộc ông T yêu cầu trả lại phần đất 74m² vị trí tiếp giáp khu đất do gia tộc ông T quản lý sử dụng từ trước đến nay là có cơ sở...*”.

Tại công văn số 437/UBND-TCD ngày 29/4/2014 của Ủy ban nhân dân quận TP có nội dung “...*UBND quận nhận thấy không có cơ sở đưa phần đất trên vào diện tích đất nhà nước trực tiếp quản lý....Căn cứ chỉ đạo của UBND thành phố tại Văn bản số 7779/VP-PCNC ngày 10/11/2007, UBND quận TP đã có văn bản số 360/UBND-KNTC ngày 12/4/2010 kiến nghị UBND thành phố chấp thuận giải quyết theo hướng giao lại cho gia tộc ông T phần đất 67,40m² thuộc một phần thửa (1,2) tờ 46 ĐCCQ năm 2005 Phường SK (đã trừ phần diện tích đất thuộc đường có ký hiệu a là 6,6m² thể hiện theo vị trí Bản đồ hiện trạng số 100752-2/ĐĐBĐ-VPTT do Trung tâm Đo đạc bản đồ thuộc Sở TNMT thành phố đo lập ngày 18/7/2008)...*”

Căn cứ vào giấy giao đất sản xuất của ông Nguyễn Văn L ngày 07/01/1989 thể hiện gia đình ông L (anh ông T) ưng thuận giao cho xí nghiệp Thủy nông diện tích là 1.444,95m² lô đất số 20 tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại Khu phố 6, phường 6, quận TB trọn quyền sử dụng đưa vào sản xuất; Xí nghiệp thủy nông bồi hoàn cho gia đình ông L 7.224.750 đồng. Căn cứ vào Quyết định số 668/QĐ-UB ngày 21/12/1990 của Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM thể hiện: Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM thu hồi 1.518m² nằm trên một phần thửa 20 tờ bản đồ số 4 bộ địa chính Phường 16, quận TB; giao cho xí nghiệp thủy nông 932m². Như vậy, theo Quyết định số 668/QĐ-UB ngày 21/12/1990 của Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM đã thu hồi diện tích đất của gia đình ông L chênh lệch là 73,05m².

Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/9/2016 của Tòa án nhân dân THÀNH PHỐ HCM thể hiện phần đất tranh chấp vẫn do gia đình ông T quản lý, sử dụng và nằm liền kề với phần đất của gia đình ông T.

Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy Khoản 1.2 Điều 1 của Quyết định số 5472/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM về điều chỉnh Quyết định số 4641/QĐ-UB-ĐT ngày 17 tháng 7 năm 2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc cho Công ty Quản lý khai thác dịch vụ thủy lợi thuê đất tại Phường SK, quận TP giao Ủy ban nhân dân quận TP quản lý phần diện tích khoảng 74m² để bố trí sử dụng theo quy định của Luật Đất đai là chưa đúng với thực tế sử dụng đất và chưa đúng với quy định tại Khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; Khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003. Do đó hội đồng xét

xử cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn T, hủy một phần Quyết định số 5472/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM đối với Khoản 1.2 Điều 1 của Quyết định số 5472/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM về điều chỉnh Quyết định số 4641/QĐ-UB-ĐT ngày 17 tháng 7 năm 2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc cho Công ty Quản lý khai thác dịch vụ thủy lợi thuê đất tại Phường SK, quận TP.

Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân THÀNH PHỐ HCM đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu của người khởi kiện là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí hành chính sơ thẩm:

Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu, hoàn lại cho Ông Nguyễn Văn T 200.000 (hai trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AG/2010/07770 ngày 06/11/2014 của Cục thi hành án dân sự THÀNH PHỐ HCM.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a Khoản 2 Điều 104 Luật tổ tụng hành chính năm 2010;

Áp dụng Khoản 1 Điều 30, Khoản 3 Điều 32; Khoản 1 Điều 157; Điểm b Khoản 2 Điều 193, Khoản 1 Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng Khoản 1 Điều 2 Luật đất đai năm 1993;

Áp dụng Khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003;

Áp dụng khoản 1 Điều 34 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về án phí lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn T yêu cầu hủy Quyết định số 5472/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM.

Hủy một phần Quyết định số 5472/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM đối với Khoản 1.2 Điều 1 của Quyết định số 5472/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM về điều chỉnh Quyết định số 4641/QĐ-UB-ĐT ngày 17 tháng 7 năm 2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc cho Công ty Quản lý khai thác dịch vụ thủy lợi thuê đất tại Phường SK, quận TP.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Ủy ban nhân dân THÀNH PHỐ HCM phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, hoàn lại cho Ông Nguyễn Văn T 200.000 (hai trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số

AG/2010/07770 ngày 06/11/2014 của Cục thi hành án dân sự THÀNH PHỐ HCM.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong

